

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ năm, ngày 19 tháng 9 năm 2019

Vietnam Daily Review

Lộn ngược dòng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/9/2019		•	
Tuần 16/9-20/9/2019		•	
Tháng 9/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trái với kỳ vọng, thị trường giảm điểm trong phiên sáng trước thông tin FED cắt giảm lãi suất 25 điểm phần trăm lần thứ 2 trong năm nay do sự kìm hãm của các mã có vốn hóa lớn VHM, VNM, GAS. Đến phiên chiều, dòng tiền tích cực tại nhiều cổ phiếu Bluechips như MWG, FPT, VCS và nhóm cổ phiếu Ngân hàng đã giúp chỉ số VN-Index lộn ngược dòng, đóng cửa tại 997.1 điểm. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước định hướng điều hành lãi suất không rõ ràng của FED và việc Hợp đồng phái sinh tháng 9 đáo hạn trong hôm nay. **Theo BSC, tâm lý lo ngại này nhiều khả năng sẽ tiếp diễn trong phiên giao dịch ngày mai khi các quỹ ETF tiến hành cơ cấu lại danh mục của mình.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng. Hôm nay hợp đồng tương lai tháng 9 đáo hạn tác động mạnh tới chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 915 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm. VNM đang trong xu hướng phục hồi sau khi tạo đáy ở mức 115. Thanh khoản giữ ở mức tích cực trên mức trung bình 20 phiên. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đang cho thấy tín hiệu tăng giá trong trung hạn, và sẽ tạo động lực tăng giá lên chứng quyền của cổ phiếu này trong các phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Ngân hàng_1.4%. 7/14 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó **6/14** danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn **VNINDEX (0.2%)**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.4%**.

Phân tích kỹ thuật: ACB_Tăng mạnh (Trang 3)

Cập nhật: Fed cắt giảm lãi suất thêm 0.25%

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.95 điểm**, đóng cửa 997.10. HNX-Index **+1.75 điểm**, đóng cửa 104.04.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+0.99); CTG (+0.50); MWG (+0.42); TCB (+0.36); FPT (+0.28)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.68); BID (-0.34); MSN (-0.24); HNG (-0.14); GAS (-0.11)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index **2,817.0 tỷ đồng**, **-10.56%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 6.65 điểm. Thị trường có 137 mã tăng và 151 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **3.69 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm PGD (18.57 tỷ), VIC (15.13 tỷ) và VHM (12.40 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **2.39 tỷ đồng**.

VN-INDEX

997.10

Giá trị: 2817.02 tỷ

1.95 (0.2%)

Khối ngoại (ròng): -3.65 tỷ

HNX-INDEX

104.04

Giá trị: 338.88 tỷ

1.75 (1.71%)

Khối ngoại (ròng): 2.39 tỷ

UPCOM-INDEX

56.69

Giá trị: 216.19 tỷ

0.28 (0.5%)

Khối ngoại(ròng): 10.51 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.5	0.69%
Giá vàng	1,499	0.30%
Tỷ giá USD/VND	23,211	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,677	0.13%
Tỷ giá JPY/VND	21,500	0.46%
LS liên NH 1 tháng	3.2%	6.00%
LS TPCP 5 năm	3.0%	-1.11%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	30.7	PGD	18.6
DXG	25.7	VIC	15.1
VNM	24.7	VHM	12.3
MSN	10.7	VJC	11.9
HNG	8.1	CTI	10.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Báo cáo ngắn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

*7/14 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó 6/14 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX** (0.2%). Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.4%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **18/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

- **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân hàng_1.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Ngân hàng	1.4%	3.7%	5.4%	12.0%	5.1%	2.0%	85.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.2%	3.1%	-5.8%	-7.3%	-11.3%	-19.2%	41.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.9%	2.6%	1.3%	11.4%	9.2%	2.9%	81.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.6%	2.2%	1.5%	6.0%	3.6%	3.1%	73.0%
Xây dựng	0.3%	0.6%	1.4%	0.6%	-8.5%	-12.0%	22.7%
Hàng tiêu dùng	0.2%	2.8%	0.6%	9.8%	9.8%	7.0%	70.2%
Vật liệu Xây dựng	0.0%	1.5%	0.3%	4.3%	3.1%	4.4%	4.9%
Chiến tranh thương mại	0.0%	-0.6%	-4.6%	-4.2%	-4.5%	-0.2%	6.9%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.1%	0.5%	-0.3%	0.5%	-4.3%	-8.6%	-7.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	2.3%	1.3%	3.2%	-0.8%	3.3%	83.8%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.1%	1.6%	0.8%	6.3%	3.4%	4.1%	67.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	0.2%	-5.6%	-3.3%	0.8%	9.6%	46.8%
Nước & Năng lượng	-0.3%	0.6%	-0.9%	-2.1%	0.8%	7.6%	60.3%
Dầu khí	-0.3%	4.0%	0.9%	-1.8%	1.9%	-8.2%	14.7%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 10	0.6%	2.6%	6.2%	12.6%	12.8%	5.6%	73.6%
Danh mục 1	0.6%	2.9%	2.2%	11.6%	9.0%	5.4%	78.1%
Danh mục 4	0.6%	3.2%	0.9%	7.1%	1.9%	-5.6%	28.2%
Danh mục 5	0.1%	2.2%	-0.2%	6.3%	3.0%	0.8%	81.4%
Danh mục 17	0.1%	1.8%	-2.8%	0.7%	-3.6%	9.1%	130.4%
* Note	18/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan						

* Note **18/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 22	1.0%	3.6%	7.3%	18.2%	15.7%	6.9%	86.3%
Danh mục 24	0.7%	2.6%	2.8%	10.5%	9.9%	4.6%	75.8%
Danh mục 19	0.4%	1.7%	2.2%	10.0%	9.4%	10.0%	60.4%
Danh mục 23	0.0%	1.6%	-3.1%	2.0%	-3.4%	6.6%	113.0%
Danh mục 20	-0.2%	1.0%	0.3%	3.6%	-0.2%	5.7%	22.3%
* Note	6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan						

* Note **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

INDEX							
VNINDEX	0.2%	2.2%	1.3%	4.0%	0.8%	0.2%	51.6%
VN30INDEX	0.6%	2.7%	3.0%	6.3%	0.7%	-4.3%	43.7%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

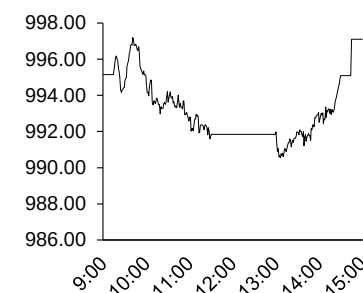
BSC RESEARCH

9/19/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

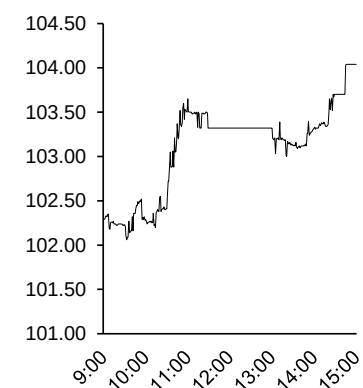
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	2.3%
Công nghệ Thông tin	1.9%
Ô tô và phụ tùng	1.3%
Dịch vụ tài chính	1.3%
Ngân hàng	1.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.8%
Xây dựng và Vật liệu	0.6%
Du lịch và Giải trí	0.3%
Y tế	0.1%
Bảo hiểm	0.0%
Viễn thông	0.0%
Hóa chất	0.0%
Tài nguyên Cơ bản	-0.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.2%
Thực phẩm và đồ uống	-0.2%
Bất động sản	-0.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.3%
Dầu khí	-0.4%
Truyền thông	-3.2%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

ACB_Tăng mạnh

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu và đường trung tâm.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: Cổ phiếu ACB đã xác lập mô hình 2 đáy trong phiên giao dịch hôm nay với ngưỡng đáy sau cao hơn ngưỡng đáy trước. Thanh khoản cổ phiếu đồng thuận với bước giá và đã vượt lên mức trung bình 20 phiên, cho thấy xu hướng tăng giá đã hình thành. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đã cho thấy tín hiệu tăng giá tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku và hình thành xu hướng tăng giá trung hạn. Như vậy, ACB sẽ hồi phục trở về vùng giá 26-27 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo, ACB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 15,915 tỷ VND (+13.4% yoy) và 7,205 tỷ VND (+12.8% yoy), không thay đổi nhiều so với dự báo trước của chúng tôi với giả định (1) tăng trưởng tín dụng +13% trong năm 2019, bằng mức cho phép của SBV, (2) NIM = 3.49%, giảm nhẹ so với mức 3.55% trong năm 2018 do xu hướng tăng lãi suất huy động, (3) NPL = 0.73%, tỷ lệ bao nợ xấu = 160%, (4) thu hồi nợ xấu ngoại bảng = 2,000 tỷ VND.

Cập nhật KQKD

KQKD 1Q2019. TOI = 3,490 tỷ VND (+5.65% yoy), PBT = 1,707 tỷ VND (+14.6% yoy).

Thu nhập lãi thuần trong quý 1/2019 đạt mức 2,857 tỷ VND (+20.4% yoy) nhờ (1) tăng trưởng tín dụng +3.84% yoy, (2) TTS +1.96% ytd, cho vay khách hàng +2.96% ytd, tiền gửi khách hàng +1.88% ytd, (3) NIM = 3.59%

Chất lượng tài sản tiếp tục được cải thiện. Trong quý 1/2019, chất lượng tài sản của ACB tiếp tục được cải thiện, NPL = 0.68% (quý 4/2018 = 0.73%). Tỷ lệ bao nợ xấu của ACB cũng luôn được giữ ở mức cao = 158%, chỉ đứng sau VCB. Điều này giúp ACB đảm bảo được những biến động lớn từ thị trường.

Kế hoạch 2019. Tăng trưởng tín dụng = 13%, huy động khách hàng +15%, NPL < 2%, LNTT = 7,279 tỷ VND (+13.9% yoy).

[Chi tiết tham khảo báo cáo BSC](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 19/09/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 19/09	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.99	-0.10%	2.74%	6.65%	-15.57%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.25	-6.93%	2.96%	8.63%	-18.74%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.67	-4.67%	5.07%	0.43%	-16.63%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1502.09	0.22%	1.05%	0.41%	25.34%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.02	0.90%	0.02%	6.85%	27.57%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	892.57	-0.64%	3.95%	4.59%	9.73%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	481.50	-1.48%	-0.62%	3.44%	-5.68%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.29	-0.27%	0.49%	3.80%	13.39%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	173.00	4.34%	3.97%	0.29%	17.37%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.97	-1.08%	0.55%	-4.62%	3.99%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.18	0.00%	-5.36%	15.64%	-10.67%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	96.55	-4.22%	-1.53%	6.25%	5.27%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.61	-0.48%	-0.03%	0.49%	-3.77%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3823.00	0.08%	1.54%	0.87%	-15.81%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1793.00	-0.94%	-0.33%	-0.06%	-11.89%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	96.50	2.66%	6.04%	3.76%	40.88%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	71.07	-1.15%	2.36%	3.53%	-36.56%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 11/2019 chốt phiên 18/9 giảm 95 US cent hay 1.5% xuống 63.6 USD/thùng, trong khi dầu WTI kỳ hạn tháng 10 giảm 1.23 USD hay 2.1% xuống 58.11 USD/thùng.
- Cảng thẳng tại Trung Đông tiếp tục leo thang, sau khi Bộ trưởng Quốc phòng Saudi Arabia tổ chức cuộc họp báo, trưng bày các mảnh vỡ của máy bay không người lái và tên lửa mà họ cho là bằng chứng "không thể phủ nhận" về sự tấn công của Iran. Tổng thống Mỹ Donald Trump hôm 18/9 cho biết ông đã ra lệnh tăng cường các biện pháp trừng phạt đối với Iran, trong động thái mới nhất của Mỹ để gây áp lực với Tehran..
- Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) chỉ ra dự trữ dầu thô của Mỹ tăng 1.1 triệu thùng trong tuần trước, so với dự đoán của giới phân tích giảm 2.5 triệu thùng. Tuy nhiên, dự trữ dầu thô tại Cushing, Oklahoma, điểm phân phối dầu WTI kỳ hạn giảm tuần thứ 11 liên tiếp, chuỗi giảm dài nhất kể từ tháng 8/2018.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm xuống 1,487.35 USD/ounce, trong khi giá vàng kỳ hạn Mỹ đóng cửa tăng hơn 2 USD hay 0.2% lên 1,515.8 USD/ounce.
- Giá vàng giảm hơn 1% xuống mức thấp nhất tuần trong phiên qua, bởi thiếu những manh mối rõ ràng về quyết định chính sách tiền tệ trong tương lai sau khi Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) cắt giảm lãi suất như dự đoán. Lãi suất giảm sẽ kéo theo chi phí cho việc giữ vàng đi xuống và gây áp lực lên đồng USD, khiến vàng rẻ hơn cho người mua bằng các đồng tiền khác.

Giá thép

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đã tăng 2.2% lên 680 CNY (95.96 USD)/tấn trước khi đóng cửa giảm 0.7% xuống 661 CNY/tấn. Hợp đồng thép thanh kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Thượng Hải giảm 1.3% xuống 3,493 CNY/tấn, phiên giảm thứ 2 liên tiếp. Thép cuộn cán nóng kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Thượng Hải giảm 0.9% xuống 3,510 CNY/tấn. Cơ quan kế hoạch Trung Quốc đã chấp thuận 9 dự án đầu tư tài sản cố định trị giá tổng cộng 68,9 tỷ CNY trong tháng 8. Sự phục hồi trong chi tiêu cơ sở hạ tầng sẽ hỗ trợ cho thị trường quặng sắt và thép trong những tháng tới.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2019 đóng cửa không đổi tại 1.035 USD/lb sau khi chạm mức cao nhất kể từ cuối tháng 7/2019 tại 1.047 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11/2019 đóng cửa tăng 6 USD hay 0.46% lên 1,319 USD/tấn. Các đại lý cho biết đợt mưa cần thiết tại các khu vực cây trồng quan trọng của Brazil đã khiến giá giảm trong tuần này, làm giảm lo ngại thời tiết khô hạn có thể gây thiệt hại cho cây trồng trong giai đoạn nở hoa. Tuy nhiên, thị trường vẫn được củng cố bởi những lo ngại rằng vụ mùa năm 2020 tại Brazil có thể không lớn như dự kiến ban đầu, một phần do giai đoạn giảm giá kéo dài.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn trên sàn TOCOM giảm 2,7 JPY tương đương 1,6% xuống 170,3 JPY (1,57 USD)/kg. Giá dầu giảm khoảng 6% trong ngày thứ ba (17/9/2019) sau khi Bộ trưởng Năng lượng Saudi Arabia cho biết, nước này tìm cách khôi phục nguồn cung dầu trước cuộc tấn công vào các cơ sở dầu vào cuối tuần qua, ảnh hưởng 5% sản lượng dầu toàn cầu.

Fed cắt giảm lãi suất thêm 0.25%

FED đã có nhiều điều để băn khoăn khi chuẩn bị thảo luận về lãi suất chính sách vào ngày 17- 18/ 09. Căng thẳng thương mại và tăng trưởng toàn cầu suy yếu đã khiến các doanh nghiệp cắt giảm đầu tư trong quý thứ hai của năm. Theo khảo sát Bloomberg, có 96.5% FED sẽ hạ lãi suất trong kỳ họp này. **Đúng như dự đoán, những lo ngại này đã khiến ngân hàng trung ương hạ lãi suất lần thứ hai trong năm nay, bằng 0.25 điểm phần trăm, với mục tiêu 1.75-2%.**

Nhưng điều đáng chú ý trong kỳ họp lần này không chỉ nằm ở quyết định giảm lãi suất mà là sự hỗn loạn trên thị trường tiền tệ. Vào ngày 17/09, lần đầu tiên trong một thập kỷ, Fed đã bơm tiền vào thị trường tiền ngắn hạn. Sự can thiệp là cần thiết khi lãi suất liên bang, lãi suất cho vay giữa các ngân hàng, đã vượt lên trên mức mà Fed nhắm tới. Nó đã tăng khi mức giá repo đạt mức cao nhất trong ngày là hơn 10%. Vào ngày 17/09, Fed đã cung cấp khoản tài trợ qua đêm trị giá 75 tỷ đô la, trong đó các ngân hàng chiếm tới 53 tỷ đô la. Ngày hôm sau họ lại đưa ra giá trị 75 tỷ đô la. Số tiền mà các ngân hàng yêu cầu đã tăng lên 80 tỷ đô la. Các can thiệp Fed dường như có hiệu quả. Tỷ lệ repo đã trở lại mức bình thường, gần với lãi suất liên bang, và nằm trong phạm vi mà Fed nhắm đến. Từ mức 10% (17/09) trở về ngưỡng 2.25% (18/09).

Hình 1. Diễn biến lãi suất repo qua đêm của Hoa Kỳ



Nguồn: Reuters

Nguyên nhân của sự thiếu tiền đột biến trong hệ thống của FED là do:

(1) **Chính sách thu hẹp bảng cân đối của FED đã làm suy giảm nguồn tiền của các ngân hàng trong hệ thống.** Bảng cân đối kế toán đã giảm từ 4.5 triệu đô la trong năm 2017 xuống còn 3.8 triệu đô la vào tháng 06/2019. Từ đầu năm đến nay, FED đã phát hành trung bình 63.9 tỷ đô la hóa đơn và trái phiếu mỗi tháng (2017 là 19.6 tỷ đô la). Khi các ngân hàng mua trái phiếu, tiền mặt của họ giảm xuống. Dự trữ thặng dư của các ngân hàng trong tài khoản tiền gửi của họ tại FED đã giảm từ 2.2 triệu đô la năm 2017 xuống còn 1.4 triệu đô la tại thời điểm hiện tại.

Hình 2. Bảng cân đối kế toán của FED



(2) **Nhu cầu tiền mặt của khối doanh nghiệp tăng đột biến do đến kỳ hạn trả thuế.** Thứ nhất, ngày 16/09, hạn chót cho các khoản thanh toán thuế doanh nghiệp hàng quý đã khiến cho nhu cầu tiền mặt nhiều hơn bình thường. Thứ hai, kho bạc đã phát hành trái phiếu trị giá 77 tỷ đô la trong tuần trước. Người mua, chủ yếu là ngân hàng, cũng phải trả tiền vào ngày 16/09. Fed đã lường trước những sự kiện này nhưng phản ứng thị trường lại vượt xa mức dự đoán của FED. Khi nguồn tiền bị suy giảm mạnh, các ngân hàng dần dần hạn chế hoạt động cho vay các công ty và các đối tác khác. Từ đó, tỷ lệ repo tăng vọt. Một số ngân hàng khác bước vào, cho các công ty vay với mức lãi suất cao hơn. Nhưng sau đó, chính các ngân hàng này lại đi vay nguồn vốn trong thị trường lãi suất liên bang, và từ đó, đẩy tỷ lệ repo lên cao.

Fed hiện phải đối mặt với một sự lựa chọn:

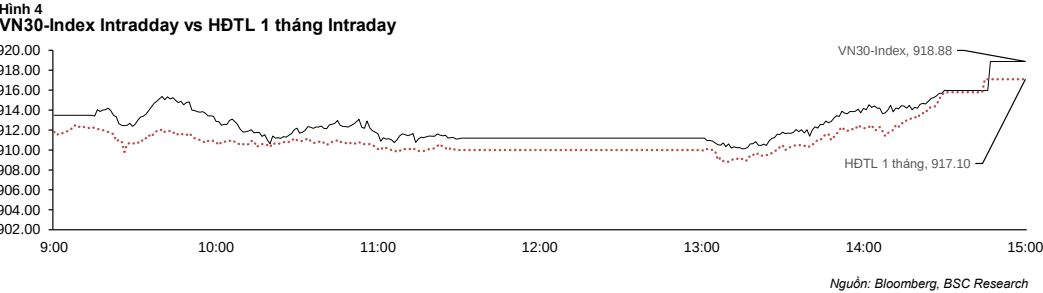
(1) Họ có thể trở lại để tiến hành các hoạt động thị trường mở (OMO) thường xuyên để giảm lãi suất, như trước cuộc khủng hoảng.

(2) Hoặc nó có thể giữ cho hệ thống hiện tại và ngăn chặn tình trạng thiếu tiền mặt trong tương lai bằng cách mở rộng bảng cân đối kế toán đủ để giữ cho hệ thống ngân hàng luôn bảo hòa thanh khoản, ngay cả khi nhu cầu tiền mặt tăng theo thời gian.

Vào ngày 18 tháng 9, ông Powell đề nghị Fed sẽ chọn cách thứ hai, nói rằng họ muốn dự trữ nguồn tiền đủ rộng để tránh tình trạng này lặp lại. Ông cũng công bố các chỉnh sửa kỹ thuật có nghĩa là các ngân hàng sẽ được đền bù ít hơn cho tiền mặt gửi tại Fed, điều này có thể khuyến khích họ cho vay thêm một chút trong thị trường repo. Với lựa chọn này, nhiều khả năng FED sẽ phải phát hành thêm tiền mặt nếu nguồn tiền tiếp tục khan hiếm trong tương lai và sẽ làm suy giảm giá trị USD trên thế giới. Từ đó giảm bớt áp lực tăng của tỷ giá USD/VND.

Hai Kỳ họp cuối cùng trong năm 2019 của FED được dự kiến sẽ diễn ra vào ngày 29-30/10 và ngày 10-11/12. Theo khảo sát của Bloomberg, có 41.3% FED sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất vào tháng 10 và 64.7% sẽ cắt giảm vào tháng 12. Nhìn chung, hoạt động cắt giảm lãi suất trong kỳ họp tháng 09 này phần lớn đến từ sự suy yếu về kinh tế vĩ mô khi cuộc thương chiến Hoa Kỳ-Trung Quốc đã làm lạnh đầu tư kinh doanh và kéo lùi các hoạt động sản xuất. Chỉ số PMI của Hoa Kỳ giảm từ mức 51.2 xuống mức 50.3, mức thấp nhất trong 10 năm. Nếu chỉ báo PMI giảm xuống dưới ngưỡng 50 sẽ đại biểu tình hình các ngành sản xuất, chế biến chế tạo đã có dấu hiệu thu hẹp và ngừng tăng trưởng. Hiện tượng này sẽ đòi hỏi FED phải tiếp tục kích cầu kinh tế bằng cách chuyển sang chính sách nới lỏng và duy trì chính sách hạ lãi suất trong tương lai. Từ đó tác động đến xu hướng cắt giảm của các ngân hàng trung ương khác trên thế giới, trong đó có Việt Nam. SBV nhiều khả năng sẽ phải tiếp tục cắt giảm lãi suất theo xu hướng chung trên thế giới khi nền kinh tế Việt nam đang ở mức hội nhập khá cao với mũi nhọn tăng trưởng tập chung vào cấu phần xuất nhập khẩu.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1909	917.10	0.72%	-1.78	-16.2%	42939	9/19/2019	0
VN30F1910	912.30	0.47%	-6.58	75.4%	22061	10/17/2019	28
VN30F1912	911.20	0.46%	-7.68	-77.7%	60	12/19/2019	91
VN30F2003	909.70	0.22%	-9.18	-66.6%	164	3/19/2020	182

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 5.40 điểm lên mức 918.18 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MWG, TCB, FPT, STB, và VPB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 có phiên biến động, giảm mạnh trong phiên sáng, nhưng phục hồi tích cực vào phiên chiều, và tăng mạnh vào phiên ATC. Thanh khoản giảm so với phiên liền trước nhưng vẫn giữ ở ngưỡng tích cực. Các chỉ báo động lượng vẫn cho thấy tín hiệu tăng ngắn hạn, hỗ trợ chỉ số vượt qua mốc 915 điểm, với kỳ vọng kiểm tra lại ngưỡng 930 điểm trong những phiên tới.

- Các HDTL đều tăng. Hôm nay hợp đồng tương lai tháng 9 đáo hạn tác động mạnh tới chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F1912 các hợp đồng khác đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng điều chỉnh giảm trong trung hạn tới dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 915 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CMWG1904	SSI	9/28/2019	102	1:1	12,120	-70.4%	1.0 triệu	20.07%	14,000	40,480	7.95%	36,388.60
CMWG1902	VND	12/11/2019	83	4:1	18,500	-45.7%	2.4 triệu	20.07%	2,990	9,700	7.42%	9,041.80
CMWG1903	HSC	12/30/2019	102	5:1	97,290	-44.6%	2.0 triệu	20.07%	2,700	6,750	6.80%	6,282.60
CFPT1903	SSI	12/30/2019	102	1:1	109,220	7.8%	2.0 triệu	19.50%	6,000	14,500	4.32%	13,269.80
CFPT1902	SSI	9/30/2019	11	1:1	14,470	-66.8%	1.0 triệu	19.50%	3,800	12,500	4.17%	12,729.60
CFPT1904	MBS	11/19/2019	61	3:1	196,810	21.0%	3.0 triệu	19.50%	1,700	2,900	2.47%	1,698.60
CMBB1902	HSC	12/17/2019	89	1:1	73,710	-68.8%	1.0 triệu	23.24%	3,200	3,490	-0.29%	1,088.40
CVNM1901	KIS	12/13/2019	85	10:1	77,330	-45.2%	5.0 triệu	19.85%	1,200	600	-1.64%	2.80
CHPG1902	KIS	12/11/2019	83	5:1	22,100	-38.5%	3.0 triệu	28.84%	1,000	430	-2.27%	-
CVRE1901	KIS	11/14/2019	56	2:1	315,330	8.4%	2.5 triệu	28.35%	1,900	1,060	-2.75%	34.40
CMSN1901	KIS	11/14/2019	56	5:1	106,050	23.7%	1.8 triệu	20.37%	1,920	1,690	-3.98%	579.40
CHPG1906	KIS	11/14/2019	56	2:1	35,930	30.2%	5.0 triệu	28.84%	1,500	830	-5.68%	49.20
CVIC1901	KIS	11/14/2019	56	5:1	74,240	-32.4%	2.0 triệu	23.08%	1,960	1,820	-6.19%	60.50
CREE1901	MBS	11/19/2019	61	3:1	104,220	-58.1%	3.0 triệu	21.53%	1,260	1,650	-6.78%	426.80
CHPG1904	SSI	9/30/2019	11	1:1	110,520	22.8%	1.0 triệu	28.84%	2,200	680	-8.11%	403.40
CHPG1905	SSI	12/30/2019	102	1:1	174,850	3079.1%	1.0 triệu	28.84%	3,300	3,200	-11.11%	1,468.50

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CHPG1905 và CHPG1904 giảm mạnh lần lượt là 11.11% và 8.11%. CMWG1904 và CMWG1902 tăng mạnh lần lượt là 7.95% và 7.42%. Thanh khoản thị trường giảm 15.69%. CVRE1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 20% thị trường.
- Ngoại trừ CFPT1902, các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. VNM đang trong xu hướng phục hồi sau khi tạo đáy ở mốc 115. Thanh khoản giữ ở mức tích cực trên mức trung bình 20 phiên. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đang cho thấy tín hiệu tăng giá trong trung hạn, và sẽ tạo động lực tăng giá lên chứng quyền của cổ phiếu này trong các phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	125.20	2.62	1.28
TCB	22.95	1.55	1.11
FPT	57.80	2.48	1.06
VPB	21.45	1.66	0.84
STB	10.55	3.43	0.84

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	80.2	-0.87	-0.46
VIC	121.5	-0.57	-0.41
NVL	63.2	-0.47	-0.16
HPG	23.0	-0.22	-0.12
BID	40.8	-0.85	-0.08

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1904	165,000	90,000	125,200
CMWG1902	48,130	90,000	125,200
CMWG1903	25,800	95,000	125,200
CFPT1903	56,154	45,140	57,800
CFPT1902	96,981	45,140	57,800
CFPT1904	57,100	52,000	57,800
CMBB1902	26,300	21,800	22,000
CVNM1901	46,340	156,285	123,600
CHPG1902	166,285	41,999	22,950
CVRE1901	44,688	40,888	34,100
CMSN1901	98,488	88,888	80,200
CHPG1906	31,088	28,088	22,950
CVIC1901	150,688	140,888	121,500
CREE1901	41,330	37,550	37,200
CHPG1904	98,800	23,100	22,950
CHPG1905	93,300	23,100	22,950

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	125.2	2.6%	0.7	2,410	2.9	7,893	15.9	5.3	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	82.7	0.4%	1.0	800	1.4	4,727	17.5	4.5	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	73.7	0.0%	1.3	2,246	0.4	1,505	49.0	3.4	25.5%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.0	0.0%	0.7	332	0.2	3,061	10.8	1.1	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	121.5	-0.6%	1.1	17,675	1.8	1,643	73.9	4.9	15.3%	8.3%
VRE	Bất động sản	34.1	0.4%	1.1	3,453	2.0	1,033	33.0	2.8	32.1%	8.8%
NVL	Bất động sản	63.2	-0.5%	0.8	2,557	0.9	3,579	17.7	2.9	7.5%	17.8%
REE	Bất động sản	37.2	0.0%	1.0	501	0.8	5,261	7.1	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	17.4	1.2%	1.4	396	1.8	3,744	4.6	1.1	46.2%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.8	0.7%	1.3	480	1.4	1,997	10.9	1.2	57.3%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.5	4.2%	1.0	247	0.1	5,067	6.8	1.5	36.8%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.6	1.3%	1.4	313	1.3	1,434	16.5	1.7	56.2%	11.1%
FPT	Công nghệ	57.8	2.5%	0.8	1,705	3.6	4,349	13.3	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.5	0.0%	0.4	492	0.0	4,156	10.9	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	103.8	-0.2%	1.5	8,638	1.2	6,066	17.1	4.5	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	61.1	-0.3%	1.5	3,163	0.6	3,350	18.2	3.6	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	20.3	-0.5%	1.7	422	1.4	2,397	8.5	0.7	23.2%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.9	-2.0%	0.8	1,335	1.0	1,163	8.5	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.0	0.0%	0.5	517	0.0	4,616	19.7	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.2	-0.4%	0.7	224	0.1	853	15.4	0.7	19.3%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.7	2.8%	0.6	200	0.7	897	9.7	0.7	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	81.5	1.1%	1.3	13,142	1.9	4,729	17.2	4.0	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	40.8	-0.9%	1.5	6,065	1.8	2,091	19.5	2.6	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.3	2.2%	1.6	3,440	4.3	1,470	14.5	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	21.5	1.7%	1.2	2,291	2.3	2,989	7.2	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.0	0.7%	1.1	2,183	2.8	3,215	6.8	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.1	3.1%	1.1	1,628	3.4	4,469	5.2	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	53.0	-0.6%	0.9	189	0.4	5,017	10.6	1.8	77.6%	17.1%
NTP	Nhựa	39.1	-0.5%	0.3	152	0.4	4,490	8.7	1.5	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	18.2	-3.2%	1.2	712	0.1	732	24.9	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.0	-0.2%	1.0	2,755	3.4	2,760	8.3	1.4	37.9%	19.9%
HSG	Thép	6.5	-0.5%	1.5	119	0.3	425	15.3	0.5	17.8%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	123.6	-0.1%	0.7	9,358	3.9	5,465	22.6	7.6	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	265.1	-0.1%	0.8	7,391	0.3	6,735	39.4	9.7	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	80.2	-0.9%	1.2	4,076	1.9	3,304	24.3	3.0	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	17.9	-0.3%	0.5	408	0.7	542	32.9	1.6	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	77.0	0.0%	0.8	7,288	0.1	2,630	29.3	5.5	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	139.5	-0.1%	1.1	3,177	3.1	9,850	14.2	5.4	19.4%	43.3%
HVN	Vận tải	33.9	1.2%	1.7	2,090	0.4	1,747	19.4	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.3	-0.2%	0.8	352	0.3	1,888	14.5	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.8	0.3%	0.6	217	0.3	2,435	7.3	1.2	30.4%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	97.0	5.2%	0.9	661	2.5	7,667	12.7	5.0	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.9	0.3%	0.8	387	0.3	1,327	15.0	1.4	13.4%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	0.0%	0.8	259	0.0	1,657	9.4	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	97.0	-0.1%	0.7	322	0.1	13,535	7.2	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.6	0.0%	1.1	511	0.4	1,352	19.7	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	20.6	-0.2%	0.5	222	0.3	387	53.3	1.0	52.2%	1.9%
POW	Điện	12.7	0.0%	0.6	1,293	0.4	820	15.5	1.2	14.7%	7.8%
NT2	Điện	24.5	-0.6%	0.6	306	0.2	2,241	10.9	1.7	21.6%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	81.50	1.12	0.99	527230.00
CTG	21.25	2.16	0.50	4.70MLN
MWG	125.20	2.62	0.42	535580.00
TCB	22.95	1.55	0.36	3.12MLN
FPT	57.80	2.48	0.28	1.43MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.10	3.13	1.17	3.42MLN
SHB	6.60	4.76	0.34	5.69MLN
VCS	97.00	5.21	0.16	606100.00
DGC	27.80	2.96	0.06	159500.00
SHS	7.60	4.11	0.04	758900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	121.50	-0.57	-0.69	345240.00
BID	40.80	-0.85	-0.35	1.03MLN
MSN	80.20	-0.87	-0.24	548790.00
HNG	16.50	-2.65	-0.15	897270.00
GAS	103.80	-0.19	-0.11	266300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	20.30	-0.49	-0.03	1.56MLN
HUT	2.20	-4.35	-0.02	800200.00
PVX	1.30	-7.14	-0.02	931700.00
PLC	13.70	-6.16	-0.02	400.00
CTB	29.20	-8.75	-0.02	500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TDG	2.14	7.00	0.00	394170.00
KHP	9.95	6.99	0.01	2040.00
IDI	7.23	6.95	0.03	1.92MLN
VSI	23.90	6.94	0.01	230.00
NBB	20.85	6.92	0.04	664770.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIG	1.10	10.0	0.00	11300.00
VC9	12.30	9.8	0.01	200.00
MBG	23.60	9.8	0.04	32500.00
PHN	30.50	9.7	0.01	100.00
VDL	22.60	9.7	0.01	400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	5.48	-6.96	0.00	10.00
DAT	16.75	-6.94	-0.02	10.00
HSL	8.04	-6.94	0.00	375600.00
PIT	4.56	-6.94	0.00	2410.00
TLD	4.87	-6.88	0.00	892210.00

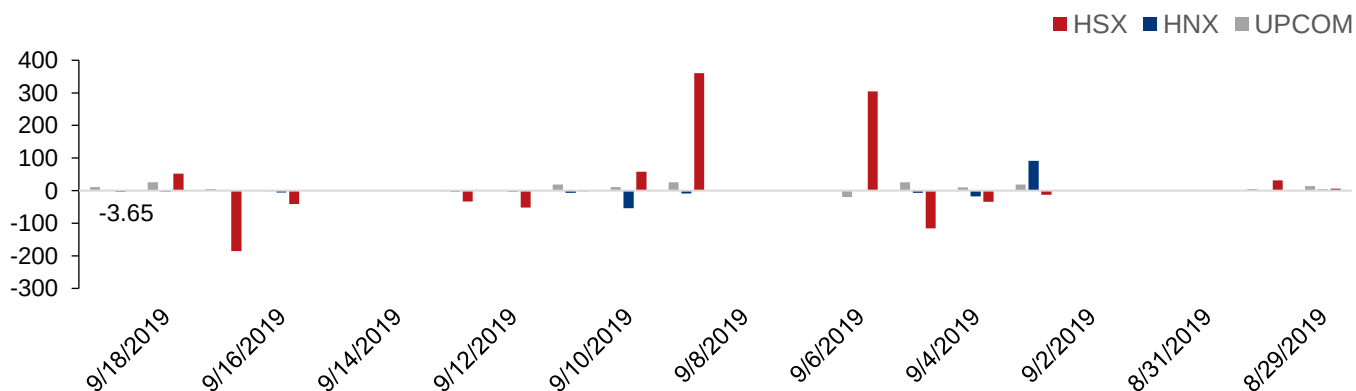
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.60	-14.29	-0.01	38300.00
CET	3.60	-10.00	0.00	1000.00
PJC	28.40	-9.84	-0.01	200.00
PCG	11.00	-9.84	-0.01	41100.00
SDA	2.80	-9.68	-0.01	500.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
8	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
9	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
12	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
14	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	81.5	4,729	17.2	4.0	Click
2	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.7	1,295	18.3	1.8	Click
3	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.0	3,215	6.8	1.4	Click
4	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	52.3	2,801	18.7	3.1	Click
5	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.3	1,888	14.5	1.3	Click
6	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	28.4	3,705	7.7	2.1	Click
7	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	57.8	4,349	13.3	2.9	Click
8	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.9	649	21.4	1.2	Click
9	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	125.2	7,893	15.9	5.3	Click
10	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	82.7	4,727	17.5	4.5	Click
11	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	55.2	5,276	10.5	3.0	Click
12	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.2	4,234	6.7	1.0	Click
13	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	23.1	4,469	5.2	1.2	Click
14	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.3	3,873	4.5	1.2	Click
15	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.5	425	15.3	0.5	Click
16	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	47.0	4,961	9.5	2.8	Click
17	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	80.2	3,304	24.3	3.0	Click
18	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	166.0	7,716	21.5	11.1	Click
19	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	27.3	1,888	14.5	1.3	Click
20	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	125.2	7,893	15.9	5.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TPB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 22724 ; Giá tại Publish 21250 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu TPB với giá mục tiêu 22,548 VND/cp với phương pháp P/B = 1.5x sv trung bình ngành hiện tại 1.3x với luận điểm (1) khả năng sinh lời và chất lượng tài sản ở mức trung bình so với ngành ngân hàng hiện tại, (2) định giá tương đương với trung bình toàn ngành, (3) tăng trưởng cho vay mua ô tô ẩn tượng sẽ giúp TPB tăng trưởng trong năm nay. Chúng tôi nâng dự báo TPB trong năm 2019 lên mức TOI và PBT lần lượt đạt mức 6,884 tỷ VND (+22.3% yoy) và 2,959 tỷ VND (+31% yoy) với thay đổi ở giá định (1) tăng trưởng tín dụng ở mức 17% trong năm 2019, (2) NIM được cải thiện lên mức 4.31%, (3) CIR = 45%. EPS 2019 = 2,750 VND/cp, BVPS = 15,150 VND/cp.
PAC 2019Q3	21/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 28500 ; Giá tại Publish 30100 BSC dự báo năm 2019 DTT và LNTT của PAC lần lượt đạt 3,063 tỷ (+3.3% YoY) và 215 tỷ (+10.1% YoY), tương ứng với EPS 2019 đạt 3,701 VND/cp. KQKD 1H.2019 ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng nhờ giá kèm thể giới giảm mạnh khiến chi phí đầu vào giảm. PAC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là 1,586 tỷ (+2.6% yoy) và 101 tỷ (+38 % yoy). Biên lợi nhuận gộp tăng lên mức 15.2% so với cùng kỳ là 12.7%. Ác quy cho ô tô vẫn chiếm tỷ trọng chính, chiếm 85% tổng doanh thu. Pin chiếm 10% doanh thu, còn lại là các sản phẩm khác. Sản phẩm ác quy chủ yếu vẫn phục vụ cho ô tô tại thị trường nội địa.
MBB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 Chúng tôi điều chỉnh dự báo TOI và PBT của MBB trong năm 2019 lên -1.4%/+3.5% với việc thay đổi quan điểm về tăng trưởng tín dụng (từ 14% lên 17% với ngân hàng mẹ, 37% với M Credit), tỷ lệ casa giảm về mức 34.3%. CIR được giữ ở mức 45%. Khả năng sinh lời được giữ ở mức cao so với toàn ngành. (1) Thu nhập lãi thuần đạt mức 4,395 tỷ VND (+25.4% yoy), (2) Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh mẽ từ thu phí dịch vụ (+59% yoy). Chất lượng tài sản ở mức tốt, tuy nhiên việc nới lỏng cho vay của M Credit có thể ảnh hưởng đến kết quả chung của MBB. NPL ngân hàng hợp nhất = 1.18%, trong đó NH mẹ = 1.08%, M Credit = 11%. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 97.6%, cao hơn so với trung bình ngành giúp đảm bảo hoạt động của ngân hàng.
DBD 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 47400 Năm 2019, DBD kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 1,500 tỷ (+1.8% YoY) và 200 tỷ (-0.4% YoY), tương ứng với EPS 2019 là 3,055 VND/cp. Động lực tăng trưởng sẽ đến từ các dự án xây dựng nhà máy mới. Trong giai đoạn 2019 – 2027, công ty có kế hoạch đầu tư xây dựng 3 dự án nhà máy mới, nâng tổng số nhà máy sản xuất được lên 4 nhà máy. Hiện tại, dự án NM DX DP Bidiphar CNC đã hoàn thiện phần xây dựng cơ bản. Công ty sẽ tiến hành lắp đặt máy móc để có thể tiến hành nghiệm thu trong Q4.2019 như kế hoạch đề ra. DBD dự kiến công suất năm đầu tiên của NM đạt 500,000 lọ/năm (~ 100 tỷ DT) và nâng lên 1,800,000 lọ/năm (~300 tỷ năm) trong năm thứ 5.
VCB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A ; Giá tại Publish 81900 Chúng tôi điều chỉnh dự báo của VCB lần lượt TOI và PBT trong năm 2019 +0.6%/+8.8% với việc thay đổi giả định về CIR = 36% (sv 41% với dự báo trước). Trong 1H2019, VCB đã ghi nhận TOI = 17,078 tỷ VND (+31.4% yoy), PBT = 11,303 tỷ VND (+41% yoy). Thu nhập lãi thuần trong 1H2019 +31.4% yoy nhờ việc cơ cấu các khoản cho vay: (1) Tăng trưởng tín dụng +9.7% ytd, (2) NIM = 3.27%. Thu nhập ngoài lãi -3.1% yoy, kỳ vọng từ mảng bảo hiểm được ký kết độc quyền. Chất lượng tài sản được đánh giá cao. NPL = 1.01%, là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất ngành nếu xét về quy mô lớn. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 178%, cao nhất trong hệ thống ngân hàng. LDR và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức thấp giúp đảm bảo thanh khoản.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

